

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 429/2020/DS-PT  
Ngày: 14-12-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Ông Nguyễn Thiện Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Hồng Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 513/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 148/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 554/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ong Thị C, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: Ấp A, xã V, thị xã V, tỉnh S.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Lê Văn L, Văn phòng Luật sư Lê Văn L, Đoàn Luật sư tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Sớ H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bà Lâm Thị D, sinh năm 1958;

3. Ông Phạm Thanh L, sinh năm 1957;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã V, thị xã V, tỉnh S.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Ong Thị C.
- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 7 năm 2020, ngày 05 tháng 8 năm 2020 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Ong Thị C trình bày:

Vào ngày 18/3/2020, bà Phạm Sớ H có lập biên nhận trực tiếp nhận số tiền 160.000.000đồng của bà để giao cho cha mẹ bà H, các bên có thỏa thuận lãi suất là 1,6%/tháng tuy nhiên việc thỏa thuận này không ghi vào giấy tay, thời hạn vay là 03 tháng đến ngày 18/6/2020. Bà H có ghi số tài khoản của bà để chuyển trả tiền nhưng bà H không thực hiện. Sau khi vay bà H có trả được 5.000.000đồng tiền lãi theo giấy biên nhận ngày 27/7/2020 thì không trả nữa.

Bà khởi kiện yêu cầu bà H cùng chồng là ông Nguyễn Văn S liên đới trả số nợ là 160.000.000đồng cùng số tiền lãi tạm tính là 7.935.000đồng.

Bị đơn bà Phạm Sớ H không thừa nhận có vay tiền của bà Ong Thị C mà chỉ thừa nhận có bảo lãnh cho mẹ là Lâm Thị D vay số tiền 160.000.000đồng. Bà có thỏa thuận trả dần cho bà C mỗi tháng là 5.000.000đồng, sau đó ngày 27/7/2020 bà có trả cho bà C 5.000.000đồng hiện nay còn nợ lại 155.000.000đồng, bà đồng ý trả số tiền này nhưng xin trả dần, tuy nhiên do bà C khởi kiện yêu cầu bà trả 160.000.000đồng cùng tiền lãi theo hình thức trả một lần thì bà không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông là chồng của bà Phạm Sớ H. Ông không biết số nợ bà C kiện đòi bà H cũng như không có sử dụng số tiền này. Trước yêu cầu khởi kiện của bà C yêu cầu ông liên đới trả nợ gốc cùng số tiền lãi tổng cộng là 167.935.000đồng thì ông không đồng ý.

Trong văn bản ngày 29 tháng 8 năm 2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị D, ông Phạm Thanh L trình bày:

Bà D và ông L là cha mẹ ruột của bà Phạm Sớ H, vào năm 2012 bà D ông L có vay của bà Ong Thị C số tiền 300.000.000đồng, mỗi tháng trả 18.000.000đồng tiền lãi, sau khi vay có trả lãi được một thời gian thì không có khả năng trả nữa, bà C có khởi kiện ông bà ra tòa, sau đó ông bà có trả cho bà C tiền gốc và lãi còn nợ lại 160.000.000đồng, bà C rút đơn kiện. Bà C thấy ông bà không còn khả năng trả tiền nên buộc con gái ông bà là Phạm Sớ H nhận trả số tiền 160.000.000đồng, số tiền này con gái ông bà đã nhận nợ thay ông bà nên bà C không được quyền khởi kiện ông bà trong vụ án khác.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tổ chức công khai chứng cứ nhưng do các đương sự không yêu cầu hòa giải nên Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành hòa giải.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 148/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã căn cứ vào các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ong Thị C đối với bà Phạm Số H về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

2. Về án phí: Buộc bà C phải chịu 8.396.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ 4.064.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005985 ngày 29/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà C còn phải nộp tiếp 4.332.750 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05 tháng 10 năm 2020 nguyên đơn bà Ong Thị C làm đơn kháng cáo yêu cầu bà Phạm Số H và ông Nguyễn Văn S liên đới trả số tiền 160.000.000 đồng và 8.704.000 đồng tiền lãi.

Ngày 05 tháng 10 năm 2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 359/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn bà Ong Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, yêu cầu bị đơn bà Phạm Số H trả số tiền 160.000.000 đồng cùng 7.935.000 đồng tiền lãi, trình bày cho rằng bà H đã nhận nợ thay mẹ là bà Lâm Thị D nên phải có trách nhiệm trả số tiền này cùng tiền lãi, giữa bà C và bà H không có thỏa thuận trả dần số tiền và hiện tại giữa bà C và bà Lâm Thị D không còn quan hệ vay tiền cũng như không còn sổ nợ nào khác. Bị đơn bà Phạm Số H thừa nhận dù không trực tiếp vay tiền nhưng có đứng ra nhận trả nợ thay cho cha mẹ, đã trả 5.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 155.000.000 đồng nhưng xin trả dần trong 3 đợt.

Luật sư Lê Văn L phát biểu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bà Phạm Số H đã thừa nhận trách nhiệm trả nợ được thể hiện trong giấy tay ngày 18/3/2020, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn sửa bản án sơ thẩm. Căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình thì ông Nguyễn Văn S là chồng của bà H có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà H, tuy nhiên tại phiên tòa bà C chỉ yêu cầu bà H trả nợ không yêu cầu ông S liên đới trả nợ đây là sự tự nguyện của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An vẫn giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ và phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kháng cáo của nguyên đơn kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng cáo, kháng nghị thấy rằng: Căn cứ vào giấy tay ngày 18/3/2020 thì bà Phạm Số H có bảo lãnh trả nợ thay cho mẹ là bà Lâm Thị D số tiền 160.000.000 đồng. Đây là việc thỏa thuận trả nợ của một mình bà H nên bà H phải

có trách nhiệm thực hiện, tại phiên tòa phúc thẩm, bà C không yêu cầu trách nhiệm liên đới của ông S nên không xem xét. Từ đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ. Đối với yêu cầu trả tiền lãi, do bà H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền đúng thời hạn nên phải có nghĩa vụ trả lãi. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn, kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ được làm đúng theo quy định tại Điều 272, 279 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273, 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bà Ong Thị C khởi kiện yêu cầu bà Phạm Số H hoàn trả số tiền 160.000.000đồng cùng tiền lãi mà bà C cho rằng bà H đã vay vào ngày 18/3/2020. Bà H cho rằng chỉ bảo lãnh cho mẹ ruột là bà Lâm Thị D vay số tiền 160.000.000đồng.

[3] Căn cứ vào giấy biên nhận ngày 18/3/2020 được phía nguyên đơn bà Ong Thị C cung cấp làm căn cứ cho yêu cầu khởi kiện thì bà Phạm Số H có thừa nhận trách nhiệm trả nợ số tiền 160.000.000đồng, giấy nợ không thể hiện có sự giao nhận tiền giữa bà C và bà H, cũng không thể hiện trách nhiệm bảo lãnh số tiền vay của bà Lâm Thị D vì không xác định thời điểm giao nhận tiền và thời điểm bảo lãnh, bà C trình bày cho rằng giao đủ 160.000.000đồng cho bà H cùng thời điểm ghi giấy biên nhận, trong khi đó bà H cho rằng số tiền nợ này mẹ của bà H đã nợ từ trước. Lời trình bày của bà H có cơ sở chấp nhận do trong giấy nợ đã thể hiện *“Tôi tên Phạm Số H có hứa trả cho cô Ong Thị C số tiền của cha mẹ con thiếu là 160.000.000đồng...không còn khiếu nại gì cho cha mẹ tôi nữa”*. Như vậy giữa bà C và bà H không xác lập hợp đồng vay tiền, tuy nhiên bà H và bà C đã thỏa thuận việc chuyển nghĩa vụ từ cha mẹ của bà H sang cho bà H và bà H cũng thực hiện nghĩa vụ này, thể hiện bằng việc bà H đã thanh toán cho bà C 5.000.000đồng vào ngày 27/7/2020. Theo quy định tại Điều 370 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà H trở thành bên có nghĩa vụ. Chính vì vậy, bà C khởi kiện yêu cầu trách nhiệm trả nợ của bà H mà không yêu cầu cha mẹ của bà H trả nợ là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn làm thiệt thời quyền lợi của phía nguyên đơn vì trong toàn bộ quá trình thu thập chứng cứ bà H thừa nhận nghĩa vụ trả nợ của mình đối với số nợ.

[4] Bà H đồng thời trình bày cho rằng các bên có thỏa thuận việc trả dần số nợ nhưng không có văn bản nào thể hiện, cũng không được bà C đồng ý nên không chấp nhận trình bày của bà H. Từ đó có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về trách nhiệm trả nợ liên đới của ông Nguyễn Văn S: Ông S là chồng của bà H, không ký nhận số tiền, phía nguyên đơn không chứng minh ông S có sử dụng số tiền hoặc số tiền được sử dụng chung cho vợ chồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà C không tiếp tục yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ của ông S nên không xem xét trách nhiệm liên đới trả nợ của ông S.

[6] Về số tiền đã trả và yêu cầu trả tiền lãi: Các đương sự trình bày thống nhất ngày 27/7/2020 bà H có trả cho bà C 5.000.000đồng thể hiện trong giấy tay cùng ngày do con của bà C là Trần Thị Ngọc V ghi. Theo nội dung giấy thì số tiền đã trả 5.000.000đồng “trong số tiền 160.000.000đồng” không phải là tiền lãi như bà C trình bày. Như vậy số tiền vốn gốc còn lại là 155.000.000đồng. Tuy nhiên do bà H không thanh toán nợ trong thời gian 03 tháng đến ngày 18/6/2020 nên phải có nghĩa vụ trả lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các bên không xác định tiền lãi nên mức lãi suất được áp dụng theo Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Từ ngày 19/6/2020 đến ngày 27/7/2020 số tiền lãi được tính là:

$160.000.000\text{đồng} \times 10\%/năm \times 01 \text{ tháng } 8 \text{ ngày} = 1.689.000\text{đồng}.$

[8] Từ ngày 28/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/9/2020 số tiền lãi được tính là:

$155.000.000\text{đồng} \times 10\%/năm \times 1 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 2.325.000\text{đồng}.$

[9] Tổng số tiền vốn gốc và lãi bà H phải trả là 159.014.000đồng.

[10] Về án phí: Bà H phải chịu án phí trên số tiền trả cho bà C, bà C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Ong Thị C.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 148/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 26, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 370 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ong Thị C đối với bà Phạm Số H về yêu cầu buộc trách nhiệm trả nợ của bà Phạm Số H.

Bà Phạm Số H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ong Thị C số tiền 159.014.000đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) bên có nghĩa vụ chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Về án phí: Buộc bà Phạm Số H phải chịu 7.950.700đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Ong Thị C 4.064.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005985 ngày 29/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ và 300.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai số 0006446 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Kim Nga**